

Số: 28 /BC-PGDĐT

Lục Ngạn, ngày 03 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

3 năm thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện về rà soát, điều chỉnh mạng lưới điểm trường đối với GDMN và TH huyện Lục Ngạn đến năm 2020

Thực hiện Chỉ đạo của Thường trực UBND huyện về việc báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Kế hoạch rà soát, điều chỉnh mạng lưới điểm trường đối với giáo dục mầm non và tiểu học huyện Lục Ngạn đến năm 2020, Phòng GD&ĐT báo cáo kết quả 3 năm thực hiện cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Ngay sau khi có Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện về rà soát, điều chỉnh mạng lưới điểm trường đối với GDMN và TH huyện Lục Ngạn đến năm 2020, Phòng GD&ĐT phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện kế hoạch.

Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học tổ chức tuyên truyền đến các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc điều chỉnh các điểm trường để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong huyện nhận thức rõ việc rà soát, sắp xếp lại để đến năm 2020 giảm thiểu các điểm trường lẻ rà soát là chủ trương lớn của huyện, là một yêu cầu tất yếu, khách quan đối với sự phát triển sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn tới để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Làm tốt công tác tham mưu, đầu tư xây dựng CSVC đảm bảo việc dồn lớp, xóa dần các điểm trường.

Phòng GD&ĐT phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch nhu cầu đội ngũ đến 2020; bố trí đội ngũ cán bộ giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, có chất lượng, đồng bộ về cơ cấu. Phối hợp với phòng TC-KH huyện rà soát nhu cầu kinh phí xây dựng CSVC, mua sắm thiết bị của các trường trong kế hoạch xóa điểm trường lẻ tham mưu cho UBND phân bổ đúng quy định; theo dõi, đôn đốc UBND các xã, thị trấn thực hiện đầu tư xây dựng mua sắm thiết bị để đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

2. Kết quả thực hiện từ năm học 2017-2018 đến nay

Từ năm học 2017-2018 đến nay, xóa được 29 điểm trường lẻ, đạt 87,8% kế hoạch (kế hoạch đến năm 2020 xóa 33 điểm lẻ). Trong đó: Các trường mầm non còn 152 điểm trường, giảm 15 điểm; các trường tiểu học còn 129 điểm trường.

(có biểu số 01, 02, 03 kèm theo)

3. Đánh giá chung

3.1. Những thuận lợi và kết quả đạt được

Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chi tiết của cấp trên; việc rà soát thực hiện nghiêm túc đến từng trường, điểm trường, nắm bắt được tình hình cụ thể.

Các trường trong kế hoạch làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tham mưu xây dựng CSVN đáp ứng nhu cầu dồn điểm trường theo kế hoạch.

Được sự đồng thuận ủng hộ của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.2. Những khó khăn, hạn chế

Việc dồn lớp, xóa các điểm trường ở một số đơn vị gặp khó khăn, nhân dân không đồng tình ủng hộ việc đưa con đến thôn khác để học.

Cấp uỷ chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, công tác tuyên truyền không hiệu quả, việc quy hoạch, đầu tư xây dựng điểm trường còn dàn trải, không tập trung.

Điều kiện kinh tế một số xã còn khó khăn nên việc đối ứng kinh phí của xã gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch.

3.3. Nguyên nhân khó khăn, hạn chế

Do đặc điểm địa hình, điều kiện kinh tế của một số địa phương còn khó khăn. Thiếu nguồn kinh phí để giải phóng mặt bằng, quy hoạch đất cho các nhà trường.

Nhận thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, còn quan niệm không muốn đến thôn khác học nhờ hoặc không muốn cho học sinh là người thôn khác đến thôn mình học.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu đến năm 2020

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đến năm 2020, toàn huyện có 278 điểm trường (trong đó, Mầm non có 142 điểm trường; Tiểu có 136 điểm trường), đạt 100% kế hoạch đề ra..

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác tuyên truyền

Tích cực tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chủ trương Kế hoạch của UBND huyện đến các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc điều chỉnh các điểm trường để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong huyện nhận thức rõ việc rà soát, sắp xếp lại để đến năm 2020 giảm thiểu các điểm trường lẻ rà soát là chủ trương lớn của huyện và phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

2.2. Công tác chỉ đạo

a) *Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo:* Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện kế hoạch. Nắm chắc tình hình, tiến độ thực hiện của các đơn vị; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tổng hợp báo cáo UBND huyện hàng tháng, quý, năm và tham mưu tổng kết giai đoạn.

b) Các trường Mầm non, Tiểu học trong huyện

- Đối với những trường có kế hoạch xóa điểm trường lẻ tiếp tục tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch xóa điểm lẻ đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương.

- Đối với những trường chưa có kế hoạch xóa điểm trường lẻ đến năm 2020, tiếp tục rà soát và xây dựng kế hoạch xóa điểm trường lẻ đến năm 2020 và những năm tiếp theo phân đầu giảm thiểu số điểm trường lẻ của đơn vị.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Trong tổng số 29 điểm lẻ các trường đã xóa, hiện nay CSVN (đất, phòng học) các trường tạm thời bàn giao cho chính quyền thôn quản lý. Để việc quản lý và sử dụng có hiệu quả CSVN các điểm trường trên, Phòng GD&ĐT đề nghị UBND huyện bàn giao cho xã, thôn quản lý, sử dụng.

Trên đây là báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Kế hoạch rà soát, điều chỉnh mạng lưới điểm trường đối với giáo dục mầm non và tiểu học huyện Lục Ngạn đến năm 2020 của Phòng GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- TT Huyện ủy (B/cáo);
- UBND huyện (Báo cáo);
- Đ/c Trương Văn Năm - PCT UBND;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Các trường học trong huyện;
- Các LĐ, Chuyên viên Phòng.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Giáp Hồng Hiệu

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 01

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐIỂM TRƯỜNG MẦM NON NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 28 /BC_PGDDT ngày 03/4/2019 của Phòng GD&ĐT)

TT	Tên trường mầm non	Số điểm trường (năm học 2016-2017)	Số điểm trường (năm học 2018-2019)	Biến động (tăng +; giảm -)	Ghi chú
1	Sa Lý	4	4	0	
2	Phong Minh	4	4	0	
3	Phong Vân	4	4	0	
4	Tân Sơn	11	11	0	
5	Cắm Sơn	4	4	0	
6	Hộ Đáp	6	6	0	
7	Sơn Hải	5	5	0	
8	Đèo Gia	7	5	-2	
9	Phú Nhuận	7	6	-1	
10	Tân Lập	8	6	-2	
11	Tân Mộc	7	6	-1	
12	Kim Sơn	3	2	-1	
13	Biển Động	5	5	0	
14	Tân Hoa	5	5	0	
15	Đồng Cốc	3	3	0	
16	Phì Điền	1	1	0	
17	Tân Quang	9	9	0	
18	Giáp Sơn	7	4	-3	
19	Biên Sơn	4	4	0	
20	Hồng Giang	9	9	0	
21	Thanh Hải 1	7	6	-1	
22	Thanh Hải 2	4	3	-1	
23	Nghĩa Hồ	4	4	0	
24	Chũ	2	2	0	
25	Trù Hựu	5	5	0	
26	Kiên Thành	4	4	0	
27	Kiên lao	5	4	-1	
28	Nam Dương	6	6	0	
29	Mỹ An	2	2	0	
30	Quý Sơn 1	5	5	0	
31	Quý Sơn 2	2	2	0	
32	Phượng Sơn	7	6	-1	
Cộng		166	152	-14	

(Danh sách này có 10 trường điều chỉnh giảm 14 điểm trường lẻ)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 02

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐIỂM TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM 2019

Kèm theo Báo cáo số 28 /BC PGDDT ngày 03/4/2019 của Phòng GD&ĐT

TT	Tên trường tiểu học	Số điểm trường (năm học 2016-2017)	Số điểm trường (năm học 2018-2019)	Biến động (tăng +; giảm -)	Ghi chú
1	Sa Lý	6	4	-2	
2	Phong Minh	4	4	0	
3	Phong Vân	6	6	0	
4	Cắm Sơn	5	4	-1	
5	Tân Sơn 1	6	5	-1	
6	Tân Sơn 2	4	4	0	
7	Sơn Hải	5	5	0	
8	Hộ Đáp	8	7	-1	
9	Kim Sơn	3	3	0	
10	Phú Nhuận	7	6	-1	
11	Đèo Gia	4	4	0	
12	Tân Lập	4	4	0	
13	Kiên Lao	4	4	0	
14	Tân Mộc	6	6	0	
15	Biển Động	6	3	-3	
16	Tân Hoa	4	4	0	
17	Đồng Cốc	4	4	0	
18	Phi Điền	3	3	0	
19	Tân Quang 1	3	3	0	
20	Tân Quang 2	3	3	0	
21	Giáp Sơn	4	4	0	
22	Biên Sơn	4	3	-1	
23	Mỹ An	2	2	0	
24	Hồng Giang	5	3	-2	
26	Thanh Hải 1	4	4	0	
27	Thanh Hải 2	3	3	0	
28	Kiên Thành	3	3	0	
30	Nghĩa Hồ	3	3	0	
31	Trù Hựu	3	3	0	
32	Chũ	1	1	0	
33	Nam Dương	4	3	-1	
34	Quý Sơn 1	4	4	0	
35	Quý Sơn 2	3	2	-1	
36	Phượng Sơn 1	4	4	0	
37	Phượng Sơn 2	2	1	-1	
Cộng		144	129	-15	

(Danh sách này có 11 trường điều chỉnh giảm 15 điểm trường lẻ)

THÔNG KÊ KẾT QUẢ XÓA ĐIỂM TRƯỜNG LỄ GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Báo cáo số 28 /BC_PGDDT ngày 3 /4/2019 của Phòng GD&ĐT)

Biểu 03

TT	Trường	Điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng (nếu có ghi đầy đủ thông tin các cột, không có để trống)			CSVC nhà trường đang sử dụng	CSVC không sử dụng, đã bàn giao về thôn	Ghi chú
				Số GCN	Ngày cấp	Nơi cấp			
1	MN Phú Nhuận	Bãi Nôi					Xóa 2017-2018		Đất của Tiểu học
2	MN Thanh Hải 2	Công ty xây lắp	276.00				Xóa 2017-2018	Đã bàn giao về thôn	
3	MN Đèo Gia	Xạ To	1,200.00	T00075/15	20/12/2013	UBND Tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
		Ruồng	146.00	T00074/15	20/12/2013	UBND Tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
4	MN Tân Lập	Luồng	260.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
		Hòa Trong	250.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
5	MN Kim Sơn	Đồng Răng	320.00				Xóa 2018-2019		Đất của tiểu học
6	MN Tân Mộc	Tân Giáo	484.00	BQ 814784			Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
7	MN Giáp Sơn	Chảo cũ	517.40	814774	21/12/2013	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
		Trại Mới	708.00	753589	07/06/2000	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
		Vành Dây	620.00	753585	08/06/2000	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
8	MN Thanh Hải 2	Vàng					Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	UBND xã QLGCN
9	MN Kiên Lao	Hà	300.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
10	MN Phượng Sơn	Phú Xuyên					Xóa 2018-2019		Đất của Thôn
11	TH Tân Sơn 1	Mấn	215.00				Xóa 2017-2018	Đã bàn giao cho MN	
12	TH Hộ Đáp	Héo A	8,478.00	BQ 814719	28/11/2013	UBND tỉnh	Xóa 2017-2018	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
13	TH Biên Động	Đồng Man	2,066.00	00050	07/06/2000	UBND tỉnh	Xóa 2017-2018	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
		Ba Lều	1,500.00				Xóa 2017-2018	Đã bàn giao về thôn	
		Quéo	504.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	
14	TH Biên Sơn	Khuôn Cầu	1,651.00	Q639948	07/06/2000	UBND tỉnh	Xóa 2017-2018	Đã bàn giao cho xã	Trường QLGCN
15	TH Hồng Giang	Kép 1	2,985.00	Số 00077	07/6/2000	UBND tỉnh	Xóa 2017-2018	Trường MN mượn	Trường QLGCN
		Hiệp Tân	912.00	Số 00079	07/6/2000	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
16	TH Sa Lý	Cây Lâm	596.00	BQ 814751	30/12/2013	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
		Đôn	1,299.00	BQ 814750	30/12/2013	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
17	TH Cẩm Sơn	Họa	993.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao cho xã	
18	TH Phú Nhuận	Gạo	738.00	BQ 814977	31/10/2013	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
19	TH Nam Dương	Bến Huyện					Xóa 2018-2019		
20	TH Quý Sơn 2	Quý Thịnh	1,363.00	Q 639963	07/6/2000	UBND tỉnh	Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	Trường QLGCN
21	TH Phượng Sơn 2	Phú Xuyên	280.00				Xóa 2018-2019	Đã bàn giao về thôn	